

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2024/HS-ST**
Ngày: 19-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**
Ông **Hồ Hải Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Như Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

- Trần Đức V - sinh ngày 26 tháng 8 năm 1997 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn B (sinh năm 1975) và bà: Võ Thị Kim X (sinh năm 1974); có vợ: bà Nguyễn Thị C (sinh năm 2000) và 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân:

+ Ngày 02/02/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 20/2015/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/11/2016.

+ Ngày 15/03/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 51/2019/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/02/2020.

+ Ngày 09/01/2024, bị Tòa án nhân dân thị xã N xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 04/2024/HSST.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đắk Trung, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông **Phạm Minh K** – Sinh năm 2003. Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà **Lê Thị Hồng L** – Sinh năm 2003

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Xin vắng mặt.

2/ Ông **Trần Văn B** – Sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại phường V, thành phố N, bà Lê Thị Hồng L bị trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 79H2-084.70. Sau đó, ông Phạm Minh K là bạn của bà L đăng thông tin tìm kiếm xe lên mạng xã hội facebook, kèm theo số điện thoại liên hệ. Đến khoảng 16 giờ ngày 23 tháng 6 năm 2023, Trần Đức V thấy thông tin tìm kiếm xe của K trên mạng xã hội facebook nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. V sử dụng tài khoản zalo tên “Kha Nguyễn” nhắn tin cho tài khoản zalo của K yêu cầu gửi biển số xe để xem sau đó V truy cập mạng internet liên hệ nhờ kiểm tra số khung, số máy của xe mô tô biển số 79H2-084.70 và hẹn K ra thị xã N để chuộc xe. Khoảng 17 giờ cùng ngày, K và L đến gặp V tại quán nước giải khát trên đường K10, phường N, thị xã N, tại đây K và L được V cho xem hình ảnh số khung, số máy thì thấy đúng với xe mô tô đã bị mất nên đồng ý chuộc xe với số tiền 3.700.000 đồng. Lúc này L ở lại quán nước, còn V điều khiển xe mô tô biển số 79H1-560.10 chở K đến tiệm tạp hóa nói K mua phong bì bỏ tiền vào để đi chuộc xe, V tiếp tục chở K đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường rồi dừng lại tại đường quốc lộ 26A, đoạn trước khách sạn Thành Nghiêm thuộc thôn Thạch Thành, xã Ninh Quang, thị xã N. Tại đây V yêu cầu K đưa tiền để V đi chuộc xe, K đưa cho V phong bì đựng số tiền 3.700.000 đồng thì V điều khiển xe bỏ đi không quay lại. K không liên lạc được với V nên đến Công an thị xã N trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ: Không

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 02/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đã truy tố bị cáo Trần Đức V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như nội dung đã nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Đức V từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù tại bản án số 04/2024/HSST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân thị xã N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Buộc bị cáo Trần Đức V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án, thời hạn

tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/10/2023. Về trách nhiệm dân sự: bị hại ông Phạm Minh K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị Hồng L đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng vì đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Trần Đức V nói lời nói sau cùng có nội dung cụ thể như sau: “*Bị cáo biết lỗi và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bị hại ông Phạm Minh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị Hồng L có đơn xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn B được triệu tập hợp lệ vắng mặt nhưng lời khai của họ đã được thể hiện tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, không oan cho bị cáo. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, Trần Đức V có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 3.700.000 đồng của ông Phạm Minh K.

Như vậy, khẳng định cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 02/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đã truy tố bị cáo Trần Đức V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Trần Đức V là người thành niên có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền của ông Phạm Minh K là vi phạm pháp luật. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu đã bị kết án về tội cướp giật, trộm cắp, lừa đảo nhưng không lấy đó làm bài học rèn luyện bản thân, sửa chữa lỗi lầm mà tham lam tiếp tục phạm tội thể hiện bản tính lười lao động, xem thường pháp luật. Do đó cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 4.000.000 đồng và được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng pháp luật, mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại ông Phạm Minh K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị Hồng L vắng mặt nhưng có lời khai đã nhận lại số tiền bồi thường thiệt hại 4.000.000 đồng và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Vấn đề khác: Ông Trần Văn B không biết Trần Đức V sử dụng xe mô tô thuộc sở hữu của ông B làm phương tiện đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử phạt bị cáo Trần Đức V **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt **01 (một)** năm tù tại bản án số 04/2024/HSST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân thị xã N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Buộc bị cáo Trần Đức V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/10/2023.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Đức V phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Công an thị xã N;
- Thi hành án Hình sự thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Huỳnh Tường Viên